

Bản án số: 1027/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30/8/2022

V/v tranh chấp: “ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Tấn Lộc

2. Ông Danh Cư

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Nhân – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 317/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 308/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1985 (*có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*)

Thường trú: 19F Đường N, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Dương Ngọc S, sinh năm 1982 (*có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*)

Thường trú: 19F Đường N, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

(Ông S hiện đang chấp hành án tại trại giam Thủ Đức; Địa chỉ: Thôn 1, xã Tân Đức, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại Đơn khởi kiện đề ngày 09/3/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Lê Thị T trình bày:**

Bà Lê Thị T và ông Dương Ngọc S tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận số 62, quyền số 01 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 18/7/2005. Bà T và ông S chung sống có ba người con chung tên Dương Ngọc T (nam), sinh ngày 27/5/2005; Dương Thị Tuyết N (nữ), sinh ngày 17/12/2009 và Dương Ngọc Diễm K (nữ), sinh ngày 23/4/2016. Cuộc sống gia đình không hạnh phúc do vợ chồng bất đồng ý kiến nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Những mâu thuẫn với gia đình bên chồng

cũng là nguyên nhân khiến cho vợ chồng hay cãi vã nhau, lâu dần không còn khả năng hàn gắn. Nhận thấy cuộc sống chung không có hạnh phúc, không thể hàn gắn được nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông S.

Về con chung: Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng ba con chung tên Dương Ngọc T, Dương Thị Tuyết N và Dương Ngọc Diễm K. Bà T không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai hai bên không có tài sản chung và không có thiếu nợ chung của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận, bị đơn là ông Dương Ngọc S trình bày:**

Ông S và bà T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Quá trình sống chung hạnh phúc, từ khi ông S đi chấp hành án thì tình cảm bắt đầu lạnh nhạt dần, hiện nay ông S vẫn còn tình cảm với bà T nhưng do ông S đang chấp hành án nên không thể lo lắng, chăm sóc cho bà T được nên ông S đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T.

Về con chung: Ông S đồng ý giao ba con chung tên Dương Ngọc T, Dương Thị Tuyết N và Dương Ngọc Diễm K cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông S không cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại phiên tòa:**

- Chủ tọa phiên tòa công bố: nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Chủ tọa công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền, thời hiệu, quan hệ pháp luật tranh chấp. Những người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T và ông Dương Ngọc S thuận tình ly hôn. Về con chung: Giao ba con chung tên Dương Ngọc T, Dương Thị Tuyết N và Dương Ngọc Diễm K cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Nợ chung không có nên không xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét đơn khởi kiện của bà Lê Thị T, xác định đây là vụ án dân sự về việc “Ly hôn”. Bị đơn hiện đang chấp hành án tại trại giam Thủ Đức, địa chỉ: Thôn 1, xã Tân Đức, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận nhưng vẫn còn hộ khẩu thường trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[3] Xét các yêu cầu của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T và ông Dương Ngọc S tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 62, quyền số 01 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 18/7/2005 nên có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông S là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo bà T thì nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng ý kiến nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Những mâu thuẫn với gia đình bên chồng cũng là nguyên nhân khiến cho vợ chồng hay cãi vã nhau, lâu dần không còn khả năng hàn gắn. Nhận thấy cuộc sống chung không có hạnh phúc, không thể hàn gắn được nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông S.

Theo trình bày của ông S, quá trình sống chung vợ chồng hạnh phúc, tuy nhiên từ khi ông S đi chấp hành án thì tình cảm giữa hai vợ chồng bắt đầu lạnh nhạt dần, hiện nay ông S vẫn còn tình cảm với bà T nhưng do ông S đang chấp hành án nên không thể lo lắng, chăm sóc cho bà T được nên ông S đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T.

Do ông S đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T nên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông S và bà T.

[3.2] Về con chung: Bà T và ông S chung sống có ba người con chung tên Dương Ngọc T (nam), sinh ngày 27/5/2005; Dương Thị Tuyết N (nữ), sinh ngày 17/12/2009 và Dương Ngọc Diễm K (nữ), sinh ngày 23/4/2016. Bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng ba người con chung, ông S cũng đồng ý. Xét thấy, việc thỏa thuận của bà T và ông S là tự nguyện, phù hợp với tình trạng thực tế hiện nay của ông S đang phải chấp hành án, không có điều kiện để nuôi dưỡng các con nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao trẻ Dương Ngọc T, trẻ Dương Thị Tuyết N và trẻ Dương Ngọc Diễm K cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung: Bà T và ông S đều xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Bà T và ông S đều xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Lê Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Lê Thị T và ông Dương Ngọc S như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T và ông Dương Ngọc S thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao ba người con chung tên Dương Ngọc T (nam), sinh ngày 27/5/2005; Dương Thị Tuyết N (nữ), sinh ngày 17/12/2009 và Dương Ngọc Diễm K (nữ), sinh ngày 23/4/2016 cho bà Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị T về việc không yêu cầu ông Dương Ngọc S cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về tài sản chung: Bà Lê Thị T và ông Dương Ngọc S đều xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Bà Lê Thị T và ông Dương Ngọc S đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2021/0016645 ngày 21/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị T và ông Dương Ngọc S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 8;
- TAND Tp. HCM;
- Chi cục THADS Quận 8;
- UBND xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Hằng

